

Tổng quan các nghiên cứu khoa học giáo dục của Việt Nam năm 2021 từ Web of Science

Phạm Thị Kim Phượng

Email: phuongtk@vnies.edu.vn
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Năng suất công bố khoa học giáo dục từ các cơ sở giáo dục Việt Nam tăng trưởng nhanh trong thời gian gần đây. Bài báo tập trung phân tích bức tranh nghiên cứu khoa học giáo dục từ Việt Nam năm 2021. 158 tài liệu chỉ mục từ cơ sở dữ liệu Web of Science được tham chiếu. Các phương pháp phân tích trắc lượng thư mục khoa học được áp dụng. Kết quả cho thấy, bài báo là dạng tài liệu chính mà các cơ sở giáo dục ở Việt Nam công bố. Các tác giả từ Việt Nam hợp tác nghiên cứu với 28 quốc gia trên thế giới, trong đó Úc là quốc gia hợp tác chủ đạo. Bên cạnh đó, các tác giả người Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong phần lớn các công bố về khoa học giáo dục. Ngoài ra, 09 chủ đề nghiên cứu được xác định, trong đó COVID-19 là bối cảnh nghiên cứu của 02 chủ đề, bao gồm học tập trực tuyến và sự hài lòng của phụ huynh trong đại dịch.

TỪ KHÓA: Trắc lượng thư mục khoa học, nghiên cứu khoa học giáo dục, Việt Nam, 2021, COVID-19.

→ Nhận bài 17/02/2022 → Nhận bài đã chỉnh sửa 14/4/2022 → Duyệt đăng 15/6/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210603>

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu khoa học đã trở thành một tiêu chí nhằm đánh giá chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học thông qua các bảng xếp hạng uy tín như: Bảng xếp hạng THE (Times Greater Education); Xếp hạng Đại học Anh Quốc (Complete University Guide); Bảng xếp hạng đại học thế giới Quacquarelli Symonds (QS World University Rankings). Tại Việt Nam, trong những năm gần đây, các trường đại học tập trung nâng cao chất lượng đào tạo hướng tới hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, quy định đào tạo trình độ tiến sĩ [1], quy định tiêu chuẩn xét công nhận và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư [2] góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục đại học. Nội dung này được thể hiện theo kết quả nghiên cứu của Lương Đình Hải và cộng sự [3], năng suất công bố nghiên cứu khoa học của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam trên cơ sở dữ liệu SCOPUS tăng trong giai đoạn 2016 - 2020, đặc biệt tăng nhanh từ năm 2019.

Năng suất công bố khoa học giáo dục, một lĩnh vực nghiên cứu khoa học của các cơ sở giáo dục đại học cũng có xu hướng tăng trưởng về công bố quốc tế. Vương Quân Hoàng và cộng sự [4] đã nghiên cứu thực trạng khoa học giáo dục Việt Nam. Thông qua thu thập dữ liệu từ cơ sở dữ liệu Web of Science, áp dụng phương pháp trắc lượng thư mục khoa học (bibliometric method), nhóm nghiên cứu biểu diễn xu hướng tăng trưởng trong công bố hàng năm từ các cơ sở giáo dục ở Việt Nam giai đoạn 1991 - 2018, trong đó mức độ này tăng nhanh trong 4 năm, từ năm 2015 đến năm 2018. Sử

dụng cùng phương pháp nghiên cứu, Phan Thị Phương Thảo và cộng sự [5] tham chiếu cơ sở dữ liệu SCOPUS và cũng cho thấy xu hướng tăng trưởng công bố nghiên cứu khoa học giáo dục Việt Nam giai đoạn 1991 - 2019.

Tiếp nối các nghiên cứu trên, bài báo này được thực hiện nhằm phân tích những thông tin cơ bản về các nghiên cứu khoa học giáo dục của Việt Nam năm 2021 trong phạm vi cơ sở dữ liệu Web of Science. Các nội dung được trình bày sẽ trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau đây:

- 1/ Các dạng tài liệu nghiên cứu khoa học giáo dục từ Việt Nam năm 2021 là gì?
- 2/ Đây là các quốc gia hợp tác nghiên cứu khoa học giáo dục chính của Việt Nam năm 2021?
- 3/ Đặc điểm của các nhóm nghiên cứu khoa học giáo dục từ Việt Nam năm 2021 là gì?
- 4/ Các đơn vị nào có nhiều công bố về khoa học giáo dục từ Việt Nam nhất năm 2021?
- 5/ Các chủ đề nghiên cứu chính trong nghiên cứu khoa học giáo dục từ Việt Nam năm 2021 là gì?

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Trắc lượng thư mục khoa học ứng dụng các phương pháp thống kê đối với các trường thông tin biên mục của tập hợp tài liệu. Phương pháp này được sử dụng rộng rãi ở nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau, trong đó có lĩnh vực khoa học giáo dục [4], [5].

Nghiên cứu này được thực hiện theo 02 bước chính, bao gồm: 1) Thu thập dữ liệu về khoa học giáo dục từ

Việt Nam trên cơ sở dữ liệu Web of Science; 2) Áp dụng các phương pháp phân tích trắc lượng thư mục khoa học đối với bộ dữ liệu đã thu thập.

Ở bước thứ nhất, nhóm nghiên cứu sử dụng các từ khóa để tìm kiếm dữ liệu thuộc Web of Science Core Collection. Hai từ khóa được lựa chọn là “Việt Nam” và Vietnam. Các từ khóa được tham chiếu ở trường thông tin cơ sở ghi danh của tác giả với hàm ý tìm kiếm tất cả tài liệu có tác giả ở bất kỳ đơn vị nào ở Việt Nam. Tiếp đến, các tài liệu trong thư mục về khoa học giáo dục (Education/Educational Research) và thời gian công bố tài liệu từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lựa chọn. Kết quả tìm kiếm hiển thị 158 tài liệu khoa học giáo dục Việt Nam trong năm 2021.

Ở bước thứ hai, các phương pháp thống kê được sử dụng đối với các trường thông tin của bộ dữ liệu bao gồm các trường thông tin về dạng tài liệu, tên các tác giả, đơn vị ghi danh của các tác giả và các từ khóa của tài liệu. Để trả lời các câu hỏi nghiên cứu, phương pháp thống kê tần suất được áp dụng đối với thông tin về dạng tài liệu, thông tin tác giả, thông tin đơn vị ghi danh.

Ngoài ra, phương pháp phân tích đồng tác giả được áp dụng đối với thông tin các tác giả, đơn vị ghi danh của tác giả, các từ khóa của tài liệu. Nghiên cứu này sử dụng phần mềm Microsoft Excel và VOSviewer (tài miễn phí từ <https://www.vosviewer.com/>) để phân tích dữ liệu cũng như trực quan hóa dữ liệu.

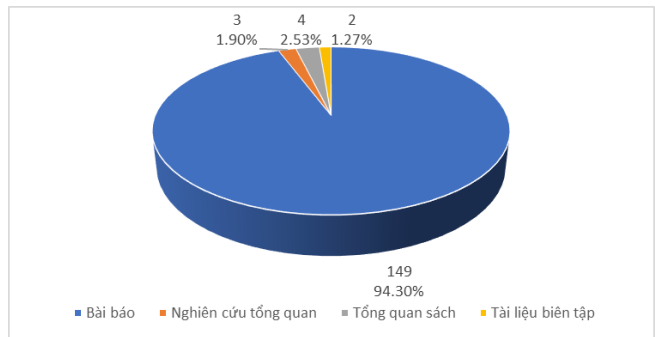
2.2. Kết quả nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu 1: Các dạng tài liệu nghiên cứu khoa học giáo dục từ Việt Nam năm 2021 là gì?

Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê tần suất đối với từng dạng tài liệu. Hình 1 biểu diễn số lượng và tỉ lệ phần trăm các dạng tài liệu khoa học giáo dục Việt Nam trong năm 2021. Dữ liệu cho thấy có 4 dạng tài liệu, trong đó bài báo (Article) chiếm hầu hết số lượng công bố (149 tài liệu, tỉ lệ 94,30%). Các dạng tài liệu khác là nghiên cứu tổng quan (Review, 3 tài liệu, tỉ lệ 1,90%), tổng quan sách (Book review, 4 tài liệu, tỉ lệ 2,53%) và tài liệu biên tập (Editorial material, 2 tài liệu, tỉ lệ 1,27%). Mặt khác, dữ liệu cũng cho các nghiên cứu khoa học giáo dục Việt Nam năm 2021 còn thiếu vắng nhiều dạng tài liệu khác như: sách (Book), chương sách (Book chapter), tài liệu hội thảo (Proceedings paper).

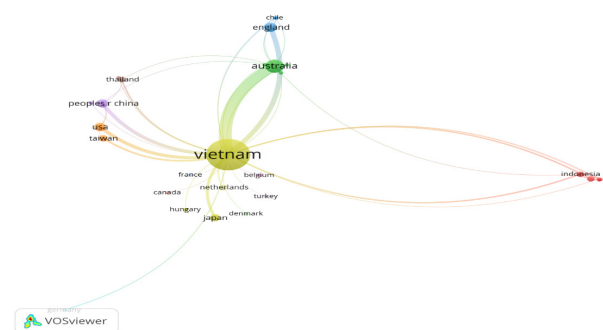
Câu hỏi nghiên cứu 2: Đây là các quốc gia hợp tác nghiên cứu khoa học giáo dục chính của Việt Nam năm 2021?

Phần mềm VOSviewer được sử dụng tìm hiểu mạng lưới hợp tác nghiên cứu quốc tế của Việt Nam đối với nghiên cứu khoa học giáo dục năm 2021, trong đó



Hình 1: Thống kê các nghiên cứu khoa học giáo dục từ Việt Nam năm 2021 theo các dạng tài liệu

thông tin về quốc gia của tác giả được trích xuất từ thông tin ghi danh của tác giả. Hình 2 biểu diễn mối liên hệ của Việt Nam với 28 đối tác quốc tế, độ dày của đường kết nối thể hiện tương ứng mức độ hợp tác giữa hai quốc gia. Dữ liệu cho thấy, Úc là quốc gia hợp tác chặt chẽ nhất về công bố nghiên cứu khoa học giáo dục Việt Nam năm 2021 với 22 tài liệu. Ở vị trí thứ hai là Vương quốc Anh với 09 tài liệu. Mĩ và Trung Quốc có cùng 07 tài liệu, Nhật Bản có 05 tài liệu, các quốc gia khác có ít hơn 05 tài liệu. Có thể nói, Úc là quốc gia hợp tác quan trọng nhất của Việt Nam trong nghiên cứu khoa học giáo dục trong năm 2021.



Hình 2: Mạng lưới hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học giáo dục từ Việt Nam năm 2021 (29 quốc gia)

Câu hỏi nghiên cứu 3: Đặc điểm của các nhóm nghiên cứu khoa học giáo dục của Việt Nam năm 2021 là gì?

Cộng đồng nghiên cứu khoa học giáo dục Việt Nam năm 2021 được xác định bởi mối liên hệ đồng tác giả của các tài liệu và được biểu diễn bởi phần mềm VOSviewer. Hình 3 biểu diễn mối liên hệ của 442 tác giả trong nước và quốc tế đã công bố ít nhất một tài liệu. Các tác giả đã hình thành 140 cụm nghiên cứu. Các cụm nghiên cứu được hình thành dựa trên sự liên kết của nhiều nhóm nghiên cứu khác nhau. Có hai cụm nghiên cứu có số lượng tác giả nhiều nhất (14 người), nhóm màu đỏ và nhóm xanh lá. Bên cạnh đó, có một cụm nghiên cứu 10 tác giả, hai cụm nghiên cứu 09 tác giả, ba cụm nghiên cứu 08 tác giả, các cụm nghiên cứu

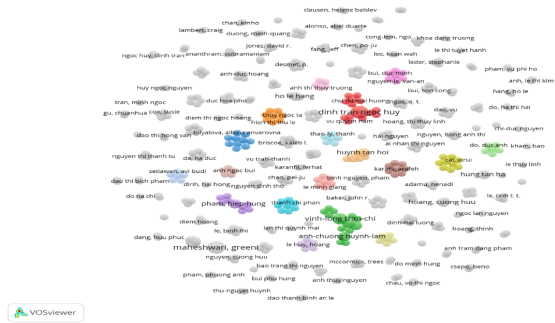
khác có từ 01 đến 07 thành viên.

Dựa theo số lượng tác giả của mỗi tài liệu, nhóm nghiên cứu thống kê số lượng công bố theo quy mô từng nhóm như được trình bày ở Hình 4. Kết quả cho thấy, nhóm nghiên cứu khoa học giáo dục Việt Nam năm 2021 có nhiều nhất 09 tác giả. Nhóm có 02 tác giả có số lượng công bố nhiều nhất với 48 tài liệu, tỉ lệ 30,38%. Tiếp đến là tác giả độc lập với 38 bài, tương ứng 24,05%. Các nhóm có từ 03 đến 05 tác giả đã công bố khoảng 20 tài liệu mỗi nhóm, lần lượt là 21, 18, 17 tài liệu. Các nhóm có nhiều hơn 05 tác giả có số lượng công bố ít hơn 10 tài liệu đối với từng nhóm. Như vậy, có thể thấy, các công bố khoa học giáo dục Việt Nam năm 2021 phần lớn được nghiên cứu bởi nhóm nhỏ từ 01 đến 02 tác giả.

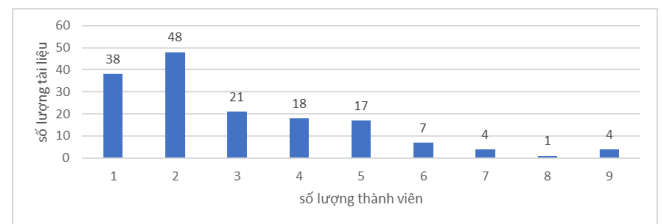
Ở góc nhìn khác, bài báo cũng thống kê số lượng tài liệu khoa học giáo dục Việt Nam năm 2021 ở vai trò tác giả chính và tác giả liên hệ. Các vị trí này thể hiện mức độ đóng góp của các tác giả người Việt đối với các nghiên cứu. Hình 5 cho thấy phần lớn các công bố đều có sự đóng góp của tác giả từ Việt Nam. Cụ thể là 124/158 công bố (tỉ lệ 78,48%) có tác giả chính từ Việt Nam và 122/158 công bố (tỉ lệ 77,22%) có tác giả từ Việt Nam. Có thể thấy, các tác giả từ các cơ sở giáo dục Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu khoa học giáo dục nước ta.

Câu hỏi nghiên cứu 4: Các đơn vị nào có nhiều công bố về khoa học giáo dục từ Việt Nam nhất năm 2021?

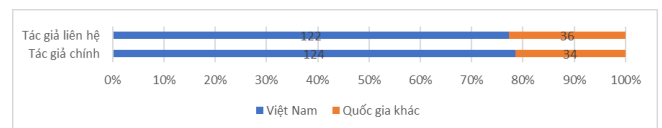
Phân tích bộ dữ liệu cho thấy, có 206 đơn vị trong nước và quốc tế tham gia nghiên cứu khoa học giáo dục Việt Nam trong năm 2021. Bảng 1 liệt kê 10 cơ sở giáo dục trong nước và 10 cơ sở giáo dục quốc tế có nhiều công bố nhất về khoa học giáo dục từ Việt Nam năm 2021. Đối với các đơn vị trong nước, Trường Đại học Sư phạm Hà



Hình 3: Cộng đồng nghiên cứu khoa học giáo dục từ Việt Nam năm 2021 (442 tác giả)



Hình 4: Thống kê các nghiên cứu khoa học giáo dục từ Việt Nam năm 2021 theo số lượng tác giả



Hình 5: Thống kê các nghiên cứu khoa học giáo dục từ Việt Nam năm 2021 theo tác giả người Việt

Nội đứng đầu với 13 công bố. Các vị trí tiếp theo lần lượt là: Đại học Quốc gia Hà Nội (11 tài liệu), Trường Đại học Văn Lang (09 tài liệu). Đối với các đơn vị nước ngoài,

Bảng 1: Danh sách các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế theo số lượng các nghiên cứu khoa học giáo dục từ Việt Nam năm 2021

STT	Đơn vị trong nước	Số lượng	STT	Đơn vị quốc tế	Số lượng
1	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	13	1	Đại học Monash, Úc	5
2	Đại học Quốc gia Hà Nội	11	2	Đại học Curtin, Úc	3
3	Trường Đại học Văn Lang	9	3	Đại học Edith Cowan, Úc	3
4	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	8	4	Đại học Queensland, Úc	3
5	Đại học Huế	8	5	Đại học Macquarie, Úc	2
6	Trường Đại học Thủ Dầu Một	8	6	Đại học Sư phạm Quốc gia Đài Loan	2
7	Đại học Đà Nẵng	8	7	Đại học Radboud Nijmegen, Hà Lan	2
8	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam	8	8	Đại Học Greenwich, Vương quốc Anh	2
9	Đại học FPT	7	9	Đại học Nottingham, Vương quốc Anh	2
10	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	7	10	Đại học Aalborg, Đan Mạch	1

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ bộ dữ liệu tìm kiếm - xem mục 2.1)

Đại học Monash đứng đầu danh sách với 05 tài liệu. Có ba đơn vị có 03 tài liệu là: Đại học Curtin, Đại học Edith Cowan, Đại học Queensland. Có thể thấy, các đơn vị đứng đầu này đều ở Úc. Ngoài ra, trong danh sách còn có 02 đơn vị ở Vương quốc Anh (Đại học Greenwich, Đại học Nottingham) đại diện cho sự hợp tác với Việt Nam. Điều này thể hiện sự hợp tác chặt chẽ nhất giữa Việt Nam và Úc, Vương quốc Anh trong nghiên cứu khoa học như được biểu diễn ở Hình 2.

Câu hỏi nghiên cứu 5: Các chủ đề nghiên cứu chính trong nghiên cứu khoa học giáo dục từ Việt Nam năm 2021 là gì?

Các chủ đề nghiên cứu khoa học giáo dục từ Việt Nam năm 2021 được xác định bởi các cụm từ khóa của các tài liệu thường xuất hiện cùng nhau. Chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích đồng xuất hiện các từ khóa (co-word analysis) để biểu diễn các mối liên hệ giữa chúng như ở Hình 6. Mỗi hình tròn trong hình đại diện cho một từ khóa, kích thước của hình tròn tương ứng số lần sử dụng của từ khóa đó. Đường nối hai hình tròn thể hiện mối liên hệ đồng xuất hiện của hai từ khóa, độ dày của đường kết nối tương ứng với số lần được sử dụng cùng nhau của hai từ khóa đó. Các từ khóa có màu sắc giống nhau tạo thành các cụm từ khóa, mô tả một chủ đề chung của các từ khóa đó.

Hình 6 biểu diễn mối liên hệ đồng xuất hiện của 46 từ khóa, trong đó mỗi từ khóa được biểu diễn có ít nhất hai lần sử dụng. Dữ liệu cho thấy, có 09 cụm từ khóa tương ứng với 09 chủ đề nghiên cứu khác nhau.

- Chủ đề 1 về dạy tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai ở các trường đại học. Cụm này bao gồm các từ khóa: EFL (English as a foreign language), giáo dục (education), trường đại học (university), học theo dự án (project-based learning), học tập tự điều chỉnh (self-regulated learning).

- Chủ đề 2 về quản lý giáo dục đại học. Các từ khóa liên quan là: giáo dục đại học (higher education), quản lý (management), các thách thức (challenges), môi trường học tập (learning environment).

- Chủ đề 3 về học tập trực tuyến trong đại dịch COVID-19. Các từ khóa chính là: COVID-19, học tập trực tuyến (online learning), sự tham gia của sinh viên (student engagement), nhận thức (perceived).

- Chủ đề 4 đề cập đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Bốn từ khóa của cụm là: ý định khởi nghiệp (entrepreneurial intention), university student (sinh viên đại học), các doanh nghiệp (enterprises).

- Chủ đề 5 thể hiện sự hài lòng của phụ huynh trong đại dịch COVID-19. Các từ khóa cơ bản là: COVID-19 sự hài lòng (satisfaction), cha mẹ (parent).

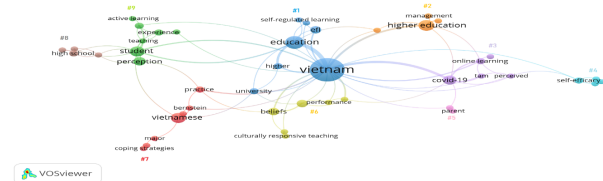
- Chủ đề 6 tìm hiểu về sự hài lòng của giáo viên. Các từ khóa chủ đạo là: sự hài lòng của giáo viên (teacher satisfaction), sự trình bày (performance), giáo viên

(teacher), niềm tin (beliefs), dân tộc thiểu số (ethnic minority).

- Chủ đề 7 liên quan đến tư duy phản biện của người Việt. Các từ khóa tham chiếu là: người Việt (Vietnamese), tư duy phản biện (critical thinking), thực hành (practice), giới tính (gender).

- Chủ đề 8 tập trung vấn đề học tập kết hợp môn Hóa ở trường trung học phổ thông, bao gồm các từ khóa học tập kết hợp (blended learning), hóa học (chemistry), trung học phổ thông (high school), thái độ (attitude).

- Chủ đề 9 về học tập tích cực. Các từ khóa chính là: học tập tích cực (active learning), trải nghiệm (experience), học tập (learning), teaching (dạy học), sinh viên (student), nhận thức (perception).



Hình 6: Mối liên hệ giữa các từ khóa thuộc các nghiên cứu khoa học giáo dục từ Việt Nam năm 2021 (46 từ khóa, mỗi từ khóa được sử dụng ít nhất hai lần)

3. Kết luận

Nghiên cứu này đã thu thập 158 tài liệu công bố năm 2021 từ các cơ sở giáo dục tại Việt Nam và được chỉ mục trong cơ sở giáo dục tại Việt Nam. Bằng cách áp dụng phương pháp trắc lượng thư mục khoa học, bài báo đã trình bày một số kết quả phân tích. Thứ nhất, bài báo là dạng tài liệu chính mà các cơ sở giáo dục ở Việt Nam công bố trong năm 2021. Thứ hai, các tác giả từ Việt Nam đã có sự hợp tác nghiên cứu với 28 quốc gia trên thế giới, trong đó Úc là quốc gia hợp tác chủ đạo. Thứ ba, các nghiên cứu được thực hiện bởi các nhóm nghiên cứu có quy mô nhỏ, đặc biệt là nhóm từ một đến hai tác giả. Các tác giả người Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong phần lớn các công bố về khoa học giáo dục. Thứ tư, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là đơn vị trong nước có số lượng công bố trong lĩnh vực này nhiều nhất. Bên cạnh đó, Đại học Monash - Úc là đơn vị quốc tế hợp tác chặt chẽ nhất về nghiên cứu khoa học giáo dục với các đơn vị từ Việt Nam. Thứ năm, 09 chủ đề nghiên cứu khoa học giáo dục được xác định. Đó là: 1/ Dạy tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai ở các trường đại học; 2/ Quản lý giáo dục đại học; 3/ Học tập trực tuyến trong đại dịch COVID-19; 4/ Ý định khởi nghiệp của sinh viên; 5/ Sự hài lòng của phụ huynh trong đại dịch COVID-19; 6/ Sự hài lòng của giáo viên; 7/ Tư duy phản biện của người Việt; 8/ Học tập kết hợp môn Hóa ở trường trung học phổ thông; 9/ Học tập tích cực.

Cũng như hầu hết các nghiên cứu khác, điểm hạn chế

của bài báo này là việc thu thập dữ liệu từ một nguồn dữ liệu duy nhất - Web of Science, là không thể hiện đầy đủ các công trình nghiên cứu khoa học giáo dục từ Việt Nam. Một số nguồn dữ liệu khác có thể bổ sung cho nghiên cứu, ví dụ như Google Scholar, cơ sở dữ liệu Scopus, cơ sở dữ liệu Dimensions. Ngoài ra, dữ liệu được thu thập trong một năm nên kết quả nghiên cứu chỉ thể hiện được một lát cắt mới nhất trong

cả giai đoạn. Do đó, việc bổ sung nguồn dữ liệu cũng như kết nối với các kết quả nghiên cứu trước đây có thể được xem là các hướng nghiên cứu tiếp theo. Tuy nhiên, những kết luận mới được xem như nguồn tham khảo đối với cộng đồng nghiên cứu khoa học giáo dục ở Việt Nam trong việc xác định các hướng nghiên cứu của bản thân.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2017), Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, <https://moet.gov.vn/van-ban/vanban/Pages/chi-tiet-van-ban.aspx?ItemID=1249>.
- [2] Thủ tướng Chính phủ, (2018), Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ban hành Quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=194778>
- [3] Lương Đình Hải - Phan Thị Thanh Thảo - Đinh Đức Tài - Phạm Hùng Hiệp, (2021), Năng suất công bố của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020: Dữ liệu từ SCOPUS, Tạp chí Giáo dục, số 498(2), tr.1-6.
- [4] Vương Quân Hoàng - Đỗ Minh Trang - Phạm Thị Vân Anh - Đỗ Thị An - Đoàn Phương Thục - Hoàng Anh Đức - Tạ Thu Hằng - Lê Quỳnh Anh - Phạm Hùng Hiệp, *The status of educational sciences in Vietnam: a bibliometric analysis from Clarivate Web of Science database between 1991 and 2018*, Problems of Education in the 21st Century, 78(4).
- [5] Phan Thị Thanh Thảo - Phạm Hùng Hiệp - Lương Đình Hải - Hoàng Anh Đức - Đỗ Minh Trang - Đoàn Thị Phương Thục, (2021), Báo cáo nghiên cứu khoa học giáo dục Việt Nam 1991 - 2019: Phân tích từ cơ sở dữ liệu SCOPUS, <https://edlabasia.org/workingpaper/nghien-cuu-khoa-hoc-giao-duc-viet-nam-1991-2019-phan-tich-tu-co-so-du-lieu-scopus/>.

AN OVERVIEW OF WEB OF SCIENCE INDEXED EDUCATIONAL SCIENCE RESEARCH IN VIETNAM IN 2021

Phạm Thị Kim Phượng

Email: phuongptk@vnies.edu.vn
The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *The productivity of educational publications from educational institutions in Vietnam has grown rapidly. This paper draws the picture of the education studies from Vietnam in 2021. 158 documents were extracted from Web of Science database. Bibliometric methods were conducted. The findings have shown that the article is the main document published by educational institutions in Vietnam. The authors in Vietnam collaborated in research with 28 countries around the world, of which Australia is the leading country of cooperation. In addition, the Vietnamese authors played an important role in the most publications on educational sciences. Moreover, nine different research topics were identified where COVID-19 was the research realm of two topics, including online learning and parental satisfaction during the pandemic.*

KEYWORDS: Bibliometric methods, educational science, Vietnam, 2021, COVID-19.